

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính đã được soát xét

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019



MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
3	Báo cáo tài chính đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần X20 được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty 20 trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Quốc Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/01/2017.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Sản xuất giày dép; May trang phục (trừ trang phục lông thú); Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược; Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Sản xuất thảm, chăn đệm; Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện và các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, sản xuất phao cứu sinh, sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác; Sản xuất áo amiăng; Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại khác; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sản phẩm cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...; Sản xuất bàn chải giấy, quần áp; Sản xuất găng tay; Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; Sản xuất tẩu hút xì gà; Sản xuất các sản phẩm dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày; Hoạt động nhồi bông thú; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn tổng hợp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ tác quyền tác giả và giống cây trồng; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo; Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu và chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng; Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Kinh doanh ô tô, xe máy; Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may./.

Trụ sở chính của Công ty số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 172.500.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2019 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Phạm Văn Đô	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên HĐQT
Bà Dương Thị Thu Hòa	Thành viên HĐQT
Ông Chu Văn Đệ	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT
Bà Phan Vũ Thúy Anh	Thành viên HĐQT

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc

3. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Công ty.

4. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị *leac*



Phạm Văn Đô
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Số: 053/2019/BCSX-PB.00163

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần X20

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần X20 (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2019, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần X20 tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



PHẠM TUẤN VŨ

Phó Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019

Ha Noi City Office * Tel: +84 24 320 02016 * Fax: + 84 24 379 50832 * Email: pkf.afcpb@pkf.afcvietnam.vn

709, Sunrise Building * D11, Tran Thai Tong Street * Dich Vong Hau Ward * Cau Giay District * Hanoi * Website: pkf.afcvietnam.vn

PKF – AFC Vietnam Auditing Co., Ltd. is a member firm of the PKF International Limited family of legally independent firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions of any individual member firm or firms.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		262.297.570.937	624.092.183.600
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	7.597.458.076	22.633.289.613
1. Tiền	111		7.597.458.076	22.633.289.613
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.937.849.450	348.430.435.255
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	58.343.157.616	314.178.919.559
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.341.806.547	3.715.647.275
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	21.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	11.252.885.287	8.935.868.421
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		168.812.859.983	252.796.335.650
1. Hàng tồn kho	141	V.04	168.865.847.714	252.849.323.381
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(52.987.731)	(52.987.731)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.949.403.428	232.123.082
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.a	820.568.084	232.123.082
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.769.871.969	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		358.963.375	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		274.019.708.692	263.326.476.081
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.200.000.000	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		16.200.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		167.838.682.775	173.136.476.073
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	164.246.782.775	169.544.576.073
- Nguyên giá	222		305.165.184.238	302.018.815.726
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.918.401.463)	(132.474.239.653)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	3.591.900.000	3.591.900.000
- Nguyên giá	228		9.767.833.720	9.767.833.720
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.175.933.720)	(6.175.933.720)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		31.722.363.921	31.809.144.167
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	31.722.363.921	31.809.144.167
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	57.394.835.186	57.394.835.186
1. Đầu tư vào công ty con	251		55.735.835.186	55.735.835.186
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.659.000.000	1.659.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		863.826.810	986.020.655
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.b	863.826.810	986.020.655
TỔNG TÀI SẢN	270		536.317.279.629	887.418.659.681

CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		296.043.200.515	629.392.099.757
I. Nợ ngắn hạn	310		295.243.200.515	628.592.099.757
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	80.168.471.066	253.079.307.429
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.024.021.887	25.732.970.938
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.096.079.789	6.590.319.865
4. Phải trả người lao động	314		11.500.737.055	33.198.676.333
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	15.436.551.572	2.212.619.980
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		82.683.957.988	143.619.405.634
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	9.991.646.827	43.573.704.675
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	88.131.024.647	119.033.435.029
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.210.709.684	1.551.659.874
II. Nợ dài hạn	330		800.000.000	800.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337		800.000.000	800.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		240.274.079.114	258.026.559.924
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	240.274.079.114	258.026.559.924
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		56.635.639.925	56.635.639.925
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.138.439.189	28.890.919.999
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.880.028.337	2.360.517.121
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.258.410.852	26.530.402.878
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		536.317.279.629	887.418.659.681



Phạm Văn Đô
Chủ tịch HĐQT
 Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019

Phan Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thùy Linh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2019	2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	352.345.040.851	362.944.158.308
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		352.345.040.851	362.944.158.308
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.17	316.544.798.148	319.204.575.008
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.800.242.703	43.739.583.300
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.18	654.941.271	1.146.095.536
7. Chi phí tài chính	22	VI.19	2.265.787.435	56.018.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.760.564.480</i>	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.20	7.466.229.212	7.612.775.926
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.20	19.590.041.795	25.952.173.809
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.133.125.532	11.264.711.101
11. Thu nhập khác	31	VI.21	262.318.983	234.232.560
12. Chi phí khác	32	VI.22	113.160.404	25.257.480
13. Lợi nhuận khác	40		149.158.579	208.975.080
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.282.284.111	11.473.686.181
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.023.873.259	1.072.452.998
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.258.410.852	10.401.233.183



Phạm Văn Đô
Chủ tịch HĐQT
 Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019


Phan Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng


Hoàng Thị Thùy Linh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2019 VND	2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.282.284.111	11.473.686.181
2. Điều chỉnh cho các khoản				
+ Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.444.161.810	6.799.370.115
+ Các khoản dự phòng	03		-	(467.668.953)
+ (Lãi) hoạt động đầu tư	05		(654.941.271)	(1.146.095.536)
+ Chi phí lãi vay	06		1.760.564.480	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.832.069.130	16.659.291.807
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		247.163.750.461	79.881.209.598
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		83.366.842.574	77.113.058.449
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(325.326.948.604)	(153.400.563.875)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(466.251.157)	1.042.511.313
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.760.564.480)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.699.706.356)	(3.531.285.466)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.109.191.568	17.764.221.826
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(897.553.994)	(3.803.033.322)
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		654.941.271	1.146.095.536
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(242.612.723)	(2.656.937.786)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		121.448.372.247	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(152.350.782.629)	(25.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30.902.410.382)	(25.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15.035.831.537)	(9.892.715.960)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.633.289.613	68.693.422.599
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		7.597.458.076	58.800.706.639



Phạm Văn Đô
Chủ tịch HĐQT
 Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019

Phan Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thùy Linh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty cổ phần X20 được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty 20 trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/01/2017.

Trụ sở chính của Công ty số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 172.500.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng). Cơ cấu vốn như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp nhà nước	12.371.190	123.711.900.000	71,72 %
Công ty cổ phần đầu tư Cái Mép	500.000	5.000.000.000	2,9%
Vốn góp của cổ đông khác	4.378.810	43.788.100.000	25,38 %
Cộng	17.250.000	172.500.000.000	100,00%

2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Sản xuất giày dép; May trang phục (trừ trang phục lông thú); Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược; Sản xuất dao, kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Sản xuất thảm, chăn đệm; Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn, dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện và các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác, sản xuất phao cứu sinh, sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác; Sản xuất áo amiăng; Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại khác; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sản phẩm cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác...; Sản xuất bàn chải giấy, quần áp; Sản xuất găng tay; Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; Sản xuất tàu hút xì gà; Sản xuất các sản phẩm dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày; Hoạt động nhồi bông thú; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn tổng hợp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ tác quyền tác giả và giống cây trồng; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo; Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu và chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng; Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Kinh doanh ô tô, xe máy; Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may./.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

3. CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/6/2019, Công ty có các Công ty con và các đơn vị trực thuộc sau:

* *Các Công ty con*

Tên	Vốn điều lệ	Vốn thực góp tại 30/6/2019	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	8.000.000.000	8.000.000.000	100%
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	9.500.000.000	9.500.000.000	100%
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	38.235.835.186	38.235.835.186	100%

* *Các đơn vị thành viên của Công ty*

- Xí nghiệp thương mại
- Xí nghiệp may 3
- Xí nghiệp đo may quân đội

* *Công ty liên doanh, liên kết*

- Công ty cổ phần 199 - Tỷ lệ sở hữu vốn 33,4%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

2. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

6. GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

7. THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

9. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.709.394.113	4.256.068.893
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.888.063.963	18.377.220.720
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	7.597.458.076	22.633.289.613

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	58.343.157.616	314.178.919.559
- Cục Quân nhu	17.533.554.455	269.181.213.743
- Công ty TNHH Thịnh Vượng Toàn Cầu	1.814.025.000	1.814.025.000
- Poongshin Co., LTD	2.329.418.449	4.939.960.407
- PRO SPORT (HK) LIMITED	2.846.143.781	10.097.884.617
- YOUNGONE CORPORATION	3.371.172.445	-
- CK DIAZ GENERAL MERCHANDISE UNIAO SUPRIMENTOS MILITARES LTDA EP	2.542.878.454	4.970.997.369
- Các khoản phải thu khách hàng khác	4.897.889.162	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	21.900.522.655	23.174.838.423
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	1.107.553.215	-

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	11.252.885.287	-	8.935.868.421	-
- Phải thu khác	9.111.485.665	-	8.074.704.643	-
- Tạm ứng	2.141.399.622	-	857.507.980	-
- Bảo hiểm y tế	-	-	2.780.198	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	875.600	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	11.252.885.287	-	8.935.868.421	-

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

4. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.981.993.399	(52.987.731)	58.189.880.413	(52.987.731)
Công cụ, dụng cụ	22.928.606	-	131.628.656	-
Chi phí SXKD dở dang	105.095.413.136	-	130.977.679.571	-
Thành phẩm	24.541.646.282	-	59.210.710.276	-
Hàng hóa	5.158.246.883	-	4.258.073.748	-
Hàng gửi bán	65.619.408	-	81.350.717	-
Cộng	168.865.847.714	(52.987.731)	252.849.323.381	(52.987.731)

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	820.568.084	232.123.082
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	820.568.084	232.123.082
b. Dài hạn	863.826.810	986.020.655
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	863.826.810	986.020.655

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Chi tiết xem tại phụ lục số 01 đính kèm)**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	9.504.466.000	263.367.720	9.767.833.720
- Mua trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	9.504.466.000	263.367.720	9.767.833.720
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	5.912.566.000	263.367.720	6.175.933.720
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối kỳ	5.912.566.000	263.367.720	6.175.933.720
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	3.591.900.000	-	3.591.900.000
Số cuối kỳ	3.591.900.000	-	3.591.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang				-
Nhà xưởng XN dệt Nam Định	30.629.404.649	30.629.404.649	30.629.404.649	30.629.404.649
Dự án xây dựng cải tạo khác	1.092.959.272	1.092.959.272	1.179.739.518	1.179.739.518
Cộng	31.722.363.921	31.722.363.921	31.809.144.167	31.809.144.167

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Chi tiết xem tại phụ lục số 02 đính kèm)

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	65.833.830.533	65.833.830.533	202.782.627.607	202.782.627.607
- Công ty CP đầu tư và xây lắp Thành An 386	4.805.236.201	4.805.236.201	5.805.236.201	5.805.236.201
- Công ty cổ phần 22	480.108.080	480.108.080	3.480.108.080	3.480.108.080
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28	11.763.235.187	11.763.235.187	112.639.894.178	112.639.894.178
- Công ty TNHH một thành viên dệt may 7	20.927.783.503	20.927.783.503	19.829.327.832	19.829.327.832
- Công ty TNHH SX và KD nguyên liệu may VN	2.344.884.206	2.344.884.206	10.735.011.625	10.735.011.625
- Phải trả khác	25.512.583.356	25.512.583.356	50.293.049.691	50.293.049.691
Phải trả người bán là các bên liên quan	14.334.640.533	14.334.640.533	50.296.679.822	50.296.679.822
- Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	-	-	2.437.397.918	2.437.397.918
- Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	2.894.527.161	2.894.527.161	6.636.884.229	6.636.884.229
- Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	11.440.113.372	11.440.113.372	41.222.397.675	41.222.397.675
Cộng	80.168.471.066	80.168.471.066	253.079.307.429	253.079.307.429

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	6.590.319.865	3.271.845.516	8.766.085.592	1.096.079.789
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	4.258.623.566	1.710.232.458	4.882.213.830	1.086.642.194
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.316.869.722	1.023.873.259	3.340.742.981	-
- Thuế thu nhập cá nhân	14.826.577	324.432.199	329.821.181	9.437.595
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	206.307.600	206.307.600	-
- Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
b. Thuế và các khoản phải thu	-	-	358.963.375	358.963.375
- Thuế TNDN	-	-	358.963.375	358.963.375

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	15.436.551.572	2.212.619.980
- Trích trước tiền lương nghỉ phép	898.555.680	1.922.508.958
- Trích trước tiền điện phải trả	106.876.765	251.579.598
- Tiền thuê đất Quốc phòng	1.699.929.127	-
- Tiền cổ tức phải trả trên phần vốn NN	12.371.190.000	-
- Chi phí trích trước khác	360.000.000	38.531.424

13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	9.991.646.827	43.573.704.675
- Kinh phí công đoàn	322.673.441	960.560.508
- Bảo hiểm xã hội	826.391.152	111.950.333
- Bảo hiểm y tế	103.530.699	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	30.168.396	-
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	189.008.000	54.008.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.519.875.139	42.447.185.834
+ Cổ tức còn phải trả	65.155.176	65.155.176
+ Vật tư nhập kho chưa có HĐ GTGT	7.344.236.357	41.640.113.486
+ Tiền thu quỹ ủng hộ chưa nộp cấp trên	-	296.264.026
+ Phải trả đối tượng khác	1.110.483.606	445.653.146
b) Dài hạn	800.000.000	800.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	800.000.000	800.000.000
Cộng	10.791.646.827	44.373.704.675

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

TT	Nội dung	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn		88.131.024.647	88.131.024.647	119.033.435.029	119.033.435.029
- Cục tài chính Bộ quốc phòng		-	-	71.914.267.250	71.914.267.250
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long ⁽¹⁾		88.131.024.647	88.131.024.647	47.119.167.779	47.119.167.779
b) Vay dài hạn		-	-	-	-
Cộng		88.131.024.647	88.131.024.647	119.033.435.029	119.033.435.029

⁽¹⁾ Hợp đồng cấp tín dụng Số: 45516.18.054.5124.TD ngày 24/12/2018 và văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 45516.18.054.5124.TD.PL ngày 31/03/2019, hạn mức vay 100 tỷ đồng, Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay không quá 07 tháng, lãi suất theo từng khung ước nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2019	172.500.000.000	56.635.639.925	28.890.919.999	258.026.559.924
- Lãi trong năm nay	-	-	6.258.410.852	6.258.410.852
- Chi trả cổ tức ⁽¹⁾	-	-	17.250.000.000	17.250.000.000
- Phân phối lợi nhuận ⁽¹⁾	-	-	6.760.891.662	6.760.891.662
30/6/2019	172.500.000.000	56.635.639.925	11.138.439.189	240.274.079.114

⁽¹⁾ Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25/4/2019.

15.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Vốn Nhà nước	123.711.900.000	123.711.900.000
- Công ty cổ phần đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	43.788.100.000	43.788.100.000
Cộng	172.500.000.000	172.500.000.000

15.3 CỔ PHIẾU

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	346.189.279.083	357.745.719.224
- Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	6.155.761.768	5.198.439.084
Cộng	352.345.040.851	362.944.158.308

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa	314.659.852.564	318.421.407.628
- Giá vốn dịch vụ	1.884.945.584	783.167.380
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	316.544.798.148	319.204.575.008

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	329.365.635	946.134.979
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	238.680.000	199.080.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	86.895.636	880.557
Cộng	654.941.271	1.146.095.536

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Chi phí lãi vay	1.760.564.480	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.715.754	56.018.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	470.507.201	-
Cộng	2.265.787.435	56.018.000

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
a. Chi phí bán hàng	7.466.229.212	7.612.775.926
- Chi phí nhân công	1.007.249.967	323.252.850
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.525.363.858	1.672.708.334
- Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.495.350	3.392.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.192.282.262	4.752.713.110
- Chi phí khác bằng tiền	739.837.775	860.709.632
b. Chi phí quản lý	19.590.041.795	25.952.173.809
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	655.298.684	2.296.164.043
- Chi phí nhân công	10.624.785.522	12.392.972.999
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.002.611.833	1.787.376.952
- Thuế, phí, lệ phí	1.008.294.601	659.998.371
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.325.739.901	3.257.751.983
- Chi phí khác bằng tiền	2.973.311.254	5.557.909.461

21. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Tiền cho thuê nhà công vụ	161.518.180	157.946.183
- Thu nhập khác	100.800.803	76.286.377
Cộng	262.318.983	234.232.560

22. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Các khoản phạt, truy thu thuế	-	24.500.000
- Các khoản chi phí khác	113.160.404	757.480
Cộng	113.160.404	25.257.480

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	64.021.559.637	105.161.553.139
Chi phí nhân công	58.185.997.146	62.641.534.110
Khấu hao tài sản cố định	8.444.161.810	8.342.540.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.436.298.698	57.391.070.483
Chi phí bằng tiền khác	8.308.435.286	10.414.968.758
Cộng	193.396.452.577	243.951.667.205

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH
Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.8.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối kỳ VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.597.458.076	22.633.289.613
Phải thu khách hàng và phải thu khác	69.596.042.903	323.114.787.980
Đầu tư dài hạn	57.394.835.186	57.394.835.186
Cộng	134.588.336.165	403.142.912.779
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	88.131.024.647	119.033.435.029
Phải trả người bán và phải trả khác	89.677.354.205	296.380.501.263
Chi phí phải trả	15.436.551.572	2.212.619.980
Cộng	193.244.930.424	417.626.556.272
Trạng thái ròng	(58.656.594.259)	(14.483.643.493)

Tại ngày 30/6/2019 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	88.131.024.647	-	88.131.024.647
Phải trả người bán và phải trả khác	88.877.354.205	800.000.000	89.677.354.205
Chi phí phải trả	15.436.551.572	-	15.436.551.572
Cộng	192.444.930.424	800.000.000	193.244.930.424
Số đầu năm			
Các khoản vay	119.033.435.029	-	119.033.435.029
Phải trả người bán và phải trả khác	295.580.501.263	800.000.000	296.380.501.263
Cộng	416.826.556.272	800.000.000	417.626.556.272

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.597.458.076	-	7.597.458.076
Phải thu khách hàng và phải thu khác	69.596.042.903	-	69.596.042.903
Đầu tư dài hạn	-	57.394.835.186	57.394.835.186
Cộng	77.193.500.979	57.394.835.186	134.588.336.165
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.633.289.613	-	22.633.289.613
Phải thu khách hàng và phải thu khác	323.114.787.980	-	323.114.787.980
Đầu tư dài hạn	-	57.394.835.186	57.394.835.186
Cộng	345.748.077.593	57.394.835.186	403.142.912.779

Hội đồng quản trị đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh dịch vụ là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

26. BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
Thu nhập của HĐQT, BKS và ban Tổng Giám đốc	2.148.970.160	2.037.576.073
Thù lao và thu nhập của HĐQT và BKS	1.433.828.226	1.240.332.083
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	715.141.934	797.243.990

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Công ty con	Chi phí thuê gia công	9.345.297.840
		Mua thành phẩm, hàng hóa,	3.394.121.930
		Cho thuê tài sản	764.162.906
		Bán vật tư	72.023.582
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Công ty con	Mua thành phẩm, hàng hóa,	70.360.653.085
		Cho thuê tài sản	2.481.432.603
		Bán vật tư, thành phẩm	1.863.879.028
		Lãi cho vay	253.125.000
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Công ty con	Chi phí thuê gia công	936.295.401
		Cho thuê tài sản	1.006.866.560
		Mua thành phẩm, hàng hóa,	2.048.113.350
Công ty cổ phần 199	Công ty liên kết	Cho thuê mặt bằng nhà xưởng	4.795.362
		Cổ tức được chia	199.080.000

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Công ty con	Phải trả người bán	11.440.113.372
		Phải thu về cho vay	16.200.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Công ty con	Phải trả người bán	2.894.527.161
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Công ty con	Phải thu khách hàng	1.107.553.215
		Trả trước người bán	4.983.465.096
Công ty cổ phần 199	Công ty liên kết	Phải trả người bán	838.660.028

VII. THÔNG TIN KHÁC**Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh phía Bắc. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 đã được soát xét.



Phạm Văn Đô
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019

Phan Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

Hoàng Thị Thùy Linh
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Phụ lục 01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	204.238.490.845	71.526.163.538	15.313.712.035	4.749.091.181	6.191.358.127	302.018.815.726
- Mua trong năm	-	897.553.994	-	-	-	897.553.994
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	2.289.974.518	-	-	-	-	2.289.974.518
- Giảm khác	(41.160.000)	-	-	-	-	(41.160.000)
Số cuối kỳ	206.487.305.363	72.423.717.532	15.313.712.035	4.749.091.181	6.191.358.127	305.165.184.238
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	74.419.767.128	45.206.543.353	8.343.175.512	3.327.218.704	1.177.534.956	132.474.239.653
- Khấu hao trong năm	5.432.298.149	2.170.880.168	404.024.020	436.959.473	-	8.444.161.810
Số cuối kỳ	79.852.065.277	47.377.423.521	8.747.199.532	3.764.178.177	1.177.534.956	140.918.401.463
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	129.818.723.717	26.319.620.185	6.970.536.523	1.421.872.477	5.013.823.171	169.544.576.073
Số cuối kỳ	126.635.240.086	25.046.294.011	6.566.512.503	984.913.004	5.013.823.171	164.246.782.775

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Số 35 Phan Đình Giót, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2019

Phụ lục 02: Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
a. Đầu tư vào Công ty con			55.735.835.186	55.735.835.186	55.735.835.186	55.735.835.186
Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	100%	100%	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	100%	100%	9.500.000.000	9.500.000.000	9.500.000.000	9.500.000.000
Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	100%	100%	38.235.835.186	38.235.835.186	38.235.835.186	38.235.835.186
b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			1.659.000.000	1.659.000.000	1.659.000.000	1.659.000.000
Công ty cổ phần 199	33,40%	33,40%	1.659.000.000	1.659.000.000	1.659.000.000	1.659.000.000